

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HÒA THÀNH
TỈNH TÂY NINH**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 87/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 01-10-2018

V/v tranh chấp: “Ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÒA THÀNH, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Trọng Quang**.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Đỗ Thành N.**

2. Bà **Lê N Trâm**.

- Thư ký phiên tòa: Ông **Lưu Sử N Quân** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Ông **Võ Hoàng Nhân** - Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 10 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 466/2018/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 6 năm 2018 về tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 119/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 9 năm 2018, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị **Nguyễn Thị Phương N**, sinh năm 1977 (có mặt).

Trú tại: Số 40 đường Nguyễn Văn Linh, ấp Long T, xã Long Thành B, huyện Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh.

2. *Bị đơn:* Anh **Đặng Minh N**, sinh năm 1978 (có mặt).

Trú tại: Số 40 đường Nguyễn Văn Linh, ấp Long T, xã Long Thành B, huyện Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Trong đơn khởi kiện ngày 25/6/2018 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị Phương N trình bày:

Chị và anh N chung sống với nhau từ năm 2001 do tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào ngày 02/02/2001 tại Ủy ban nhân dân xã Long Thành B, huyện Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh. Vợ chồng sống chung T gian đầu hạnh phúc nhưng về sau phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, không hợp nhau về tính tình, vợ chồng thường xuyên cãi vã do anh N đánh chị nhiều lần nên vợ chồng đã ly

thân hơn một năm. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, chị yêu cầu được ly hôn với anh N.

Về con chung: Có 02 con tên Đặng Hùng Duy, sinh ngày 05/11/2002 và Đặng N Ngân, sinh ngày 20/5/2004, hiện hai con đang sống chung với chị. Nếu ly hôn, hai con có nguyện vọng sống chung với ai thì người đó nuôi dưỡng, nếu hai con theo chị thì chị yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi hai con mỗi con 2.000.000 đồng, hai con 4.000.000 đồng đến khi hai con đủ 18 tuổi. Nếu hai con có nguyện vọng sống chung với anh N thì chị đồng ý cấp dưỡng nuôi hai con theo quy định của pháp luật.

Về tài sản chung: Chị N trình bày không có.

Về nợ chung: Chị N trình bày không có.

- Theo các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, bị đơn là anh Đặng Minh N trình bày:

Anh thống nhất lời trình bày của chị N về T gian chung sống, có đăng ký kết hôn vào ngày 02/02/2001 tại Ủy ban nhân dân xã Long Thành B, huyện Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh. Anh và chị N chung sống T gian đầu hạnh phúc nhưng về sau phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, không hợp nhau về tính tình. Theo anh thì tình cảm vợ chồng có thể hàn gắn được nên anh không đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị N, anh yêu cầu được đoàn tụ.

Về con chung: Có 02 con như chị N trình bày, do anh không đồng ý ly hôn nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết về vấn đề con chung. Nếu Tòa án xét xử cho ly hôn thì anh đồng ý giao 02 con cho chị N nuôi dưỡng, anh đồng ý cấp dưỡng nuôi 02 con, mỗi con 300.000 đồng, hai con 600.000 đồng đến khi hai con đủ 18 tuổi. Nếu 02 con theo anh thì anh không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Anh N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Anh N trình bày không có.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa Thành tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến trước T điểm Hội đồng xét xử nghị án: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đương sự thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình, tại phiên tòa đương sự chấp hành tốt nội quy phiên tòa, thực hiện đúng quy định của pháp luật.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án: Chị N và anh N chung sống từ năm 2001, có đăng ký kết hôn. Chị N cho rằng vợ chồng bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi nhau, tính tình không hợp nhau, cảm thấy cuộc sống không còn hạnh phúc, vợ chồng đã sống ly thân hơn một năm nay. Tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu ly hôn. Anh N không đồng ý ly hôn vì anh cho rằng vợ chồng không có mâu thuẫn gì lớn, anh vẫn còn thương vợ

con. Xét thấy, cuộc sống hôn nhân của chị N và anh N đã mâu thuẫn kéo dài, tình cảm không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, cần chấp nhận yêu cầu của chị N đối với anh N. Về con chung: có hai con tên Đặng Hùng Duy, sinh ngày 05/11/2002 và Đặng N Ngân, sinh ngày 20/5/2004. Theo nguyện vọng của hai cháu là muốn sống với mẹ nên cần giao cho chị N tiếp tục nuôi dưỡng. Yêu cầu anh N cấp dưỡng hàng tháng. Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

Tính án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền thụ lý vụ án: Anh Đặng Minh N có nơi cư trú tại nhà số 40 đường Nguyễn Văn Linh, ấp Long T, xã Long Thành B, huyện Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh nên Tòa án nhân dân huyện Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh thụ lý vụ án là đúng theo quy định tại Điều 39 Bộ luật Tổ tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị N và anh N chung sống với nhau từ năm 2001 do tự nguyện, có đăng ký kết hôn. Hôn nhân của anh chị là hợp pháp được pháp luật tôn trọng và bảo vệ. Vợ chồng sống chung hạnh phúc T gian đầu, đến năm 2004 thì phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng thường xuyên cãi vã, bất đồng quan điểm sống. Đến năm 2017 thì mâu thuẫn ngày càng gay gắt nên chị N đã nộp đơn khởi kiện yêu cầu được ly hôn với anh N, sau đó chị N rút lại đơn khởi kiện. Đến ngày 21/5/2018, anh N nộp đơn khởi kiện yêu cầu được ly hôn với chị N, sau đó anh N rút lại đơn khởi kiện. Ngày 25/6/2018, chị N lại tiếp tục nộp đơn khởi kiện và cương quyết ly hôn. Xét thấy, chị N và anh N không còn quan tâm chăm sóc cho nhau, tình cảm vợ chồng đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình, cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị N là phù hợp.

[2.2] Về con chung: Cháu Duy và cháu Ngân hiện tại đang sống chung với chị N. Khi ly hôn, chị N và anh N trình bày nếu hai con theo ai thì người đó nuôi dưỡng. Qua làm việc với hai cháu thì hiện tại hai cháu đang sống chung với chị N và đều có nguyện vọng được tiếp tục sống chung với chị N khi chị N và anh N không còn chung sống. Xét thấy cần giao cháu Duy và cháu Ngân cho chị N nuôi dưỡng là phù hợp với nguyện vọng của 02 cháu được sống chung với mẹ và có căn cứ chấp nhận theo quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình. Anh N không trực tiếp nuôi con nên có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi 02 con theo quy định của pháp luật.

[2.3] Về tài sản chung: Chị N và anh N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[2.4] Về nợ chung: Chị N và anh N trình bày không có.

[3] Về án phí: Chị N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật, anh N phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con.

[4] Xét thấy đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa Thành là hợp lý cần chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, Điều 53, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị Phương N đối với anh Đặng Minh N. Chị Nguyễn Thị Phương N được ly hôn với anh Đặng Minh N.

2. Về con chung: Giao chị Nguyễn Thị Phương N được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục hai cháu Đặng Hùng Duy, sinh ngày 05/11/2002 và cháu Đặng N Ngân, sinh ngày 20/5/2004.

Buộc anh Đặng Minh N có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Duy và cháu Ngân mỗi cháu 700.000 đồng/tháng, hai cháu 1.400.000 đồng/tháng (Một triệu bốn trăm nghìn đồng) đến khi cháu Duy và cháu Ngân đủ 18 tuổi. T hạn cấp dưỡng được tính kể từ ngày 01/10/2018.

Kể từ ngày chị N có đơn yêu cầu thi hành án, nếu anh N không thi hành số tiền cấp dưỡng nêu trên, thì hàng tháng anh N còn phải trả cho chị N số tiền lãi đối với số tiền chậm cấp dưỡng tương ứng với T gian chậm cấp dưỡng theo quy định tại Điều 357 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Sau khi ly hôn, anh N không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom 02 con chung mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Chị N và anh N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về nợ chung: Chị N và anh N trình bày không có.

5. Về án phí: Chị N phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị N đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0012121 ngày 25/6/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh, ghi nhận chị N đã nộp xong tiền án phí. Anh N phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; T hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Chị Nguyễn Thị Phương N, anh Đặng Minh N được quyền kháng cáo bản án lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong T hạn mười lăm ngày kể từ ngày tuyên án.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện Hòa Thành;
- CC.THADS huyện Hòa Thành;
- UBND xã Long Thành Bắc;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu tập án.